

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/11/2019
V/v “Tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Đỗ Thị A.

2/ Bà Nguyễn Thị Thu Cúc.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Phương— Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 địa chỉ: 27 Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn” thụ lý số: 333/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 268/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 184/2019/HPT-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà T – sinh năm 1988 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Hòa Hảo, Phường 4, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông H – sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Hòa Hảo, Phường 4, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp cho tòa ngày 13/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T trình bày:

Bà T và ông H ly hôn theo Quyết định thuận tình ly hôn số 516/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận 10, Tp.HCM. Theo Quyết định nói trên, ông H là người trực tiếp nuôi con là X, sinh ngày 20/01/2011 và Y, sinh ngày 25/5/2014; bà T cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng (mỗi trẻ 5.000.000 đồng/tháng) kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi các con lần lượt thành niên.

Nay bà T xin thay đổi quyền nuôi con, bà T xin được trực tiếp nuôi 02 con là X, sinh ngày 20/01/2011 và Y, sinh ngày 25/5/2014. Lý do bà T xin thay đổi quyền nuôi con là do bà T cho rằng ông H có những hành vi không tốt đối với con như ông H chửi mắng con, ông H không có khả năng nuôi hai con nữa vì hiện nay cha ông H bị bệnh. Ông H nuôi con không tốt, cháu nhỏ hiện nay bị viêm phổi; cháu lớn đi học bị bạn đánh, bạn rủ đi chơi game, ông H không chăm sóc được cháu khiến cháu thường xuyên bị chảy (chí) ghê, học hành không tốt. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn- ông H: Không đồng ý thay đổi việc nuôi con. Yêu cầu tiếp tục được nuôi 02 con, bà T cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng như đã thỏa thuận trước đây.

Ý kiến trong đơn trình bày nguyện vọng của cháu X ngày 18/6/2019 là: Muốn được tiếp tục ở với ba. Ngày 01/11/2019 cháu X và cháu Y khi được hỏi nguyện vọng muốn ở với ai thì cả hai cháu đều muốn được về ở với mẹ và hiện nay cả hai cháu đang ở với mẹ (cháu Y thì chiều tối ba đón về ở với ba).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã triệu tập bà T, ông H đến Tòa để hòa giải nhiều lần, nhưng bà T, ông H không thể thỏa thuận được gì với nhau, vì vậy Tòa phải đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ pháp luật: Bà T khởi kiện “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” với ông H, là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, được quy định tại khoản 3 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án.

- Về tố tụng: bị đơn ông H cư ngụ tại Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, mà vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- Xét về yêu cầu của đương sự:

Bà T có yêu cầu thay đổi người nuôi con, xin nuôi 02 con X, sinh ngày 25/5/2014 và Y, sinh ngày 20/01/2011 với lý do cháu X và cháu Y còn nhỏ lại là con gái nên rất cần sự chăm sóc và tình cảm của mẹ. Thời điểm trước đây khi ly hôn bà đồng ý giao cả 02 con cho ông H nuôi vì khi đó bà chưa thu xếp được

nơi ăn chốn ở ổn định. Hiện nay bà đã thu xếp được nơi ăn chốn ở ổn định, có đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dạy con chu đáo hơn ông H. Những khi hai con bị bệnh, ông H đều giao lại cho bà nuôi dưỡng và chăm sóc hai con. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến trong đơn trình bày nguyện vọng của cháu X ngày 18/6/2019 là muốn được tiếp tục ở với ba. Ngày 01/11/2019 cháu X và cháu Y khi được hỏi nguyện vọng muốn ở với ai thì cả hai cháu đều muốn được về ở với mẹ và hiện nay cả hai cháu đang ở với mẹ (cháu Y thì chiều tối ba đón về ở với ba).

Cháu X và cháu Y là con gái, lại đang còn nhỏ nên việc giao 02 con lại cho bà T nuôi là phù hợp với nguyện vọng của các con, phù hợp tâm tư, tình cảm và đạo đức xã hội. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Tiền.

Về ý kiến ông H: Không đồng ý thay đổi việc nuôi con. Yêu cầu tiếp tục được nuôi 02 con, bà T cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng như đã thỏa thuận trước đây; Hội đồng xét xử phân tích như sau:

Bản thân ông H hiện sống chung cùng gia đình, nên việc chăm sóc 02 con phải nhờ vào sự giúp đỡ của cha, chị (bà nội 02 cháu đã mất) hiện ông nội của 02 cháu cũng đã lớn tuổi nên chắc chắn việc chăm sóc 02 con là rất khó khăn. Việc ông H muốn tiếp tục nuôi cả 02 con xuất phát từ tình yêu thương và trách nhiệm với con là rất đáng trân trọng và ghi nhận. Nhưng Hội đồng xét xử cũng phải phân tích cho ông H rõ những lý do trên để ông H hiểu và có nhận thức rõ hơn về trách nhiệm, tình cảm trong việc nuôi dưỡng con sau này, tránh việc tranh chấp nuôi con xảy ra về sau làm ảnh hưởng đến tâm lý tình cảm của hai con. Ý kiến nguyện vọng cháu X và cháu Y khi được hỏi nguyện vọng muốn ở với ai thì cả hai cháu đều muốn được về ở với mẹ. Việc ai nuôi con phải đặt nguyện vọng của con lên trên những tình cảm riêng của cá nhân cha, mẹ. Điều này cũng được luật pháp qui định, cụ thể trong khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông H.

Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí, ông H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 81; Điều 82; Điều 84; Điều 116; Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Điều 3; Điều 5; điểm a khoản 1 Điều 24 và khoản 1, khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án năm 2009 và mục 1, phần I danh mục mức án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T:

Ông H có trách nhiệm phải giao 02 con là X, sinh ngày 25/5/2014 và Y, sinh ngày 20/01/2011 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông H chịu.

Bà T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Hoàn lại cho bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (theo biên lai số AA/2018/0017336 ngày 22/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày kể từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Anh Tuấn